



經典湯頭七選二

經典麻辣鍋

Spicy Hot Pot

激辛鍋

중국식 매운찌개

น้ำซุปรหมาลาสุดคคลาสลิก

Lẩu cay cổ điển



(內含牛肉、黃豆及中藥，過敏體質及孕婦請斟酌食用)

Contains beef, soy bean, and Chinese herbs, please consume with care for those with allergic constitution and pregnancy.

牛肉、大豆、漢方を含む、アレルギーをお持ちの方、妊婦の方は、お召し上がりの際にご注意ください

소고기, 황두 및 한약제 포함,알레르기성 체질 및 임신부는 섭취에 주의하십시오

มีส่วนผสมของเนื้อวัว ถั่วเหลืองและยาจีน ผู้ที่เป็นโรคภูมิแพ้ และสตรีมีครรภ์ ควรพิจารณาให้ ถัด วนก่อนทาน

có chứa thịt bò, đậu nành và thuốc Bắc, tặng người dị ứng và phụ nữ có thai nên cân nhắc khi dùng

成份：老薑、大蒜、青花椒、大紅袍、朝天椒、辣椒粉、黑豆瓣、蒜苗、白豆蔻、燈籠椒、鹽、糖、醬油
香菇風味粉(鹽、麥芽糊精、香菇抽出物、葡萄糖、酵母抽出物、乳清蛋白、調味劑(L-麩酸鈉、DL-胺基丙酸、5'-次黃嘌呤核苷磷酸二鈉、5'-鳥嘌呤核苷磷酸二鈉、胺基乙酸、琥珀酸二鈉)
© 內含黃豆及中藥過敏原，過敏體質及孕婦請斟酌食用

膠原蛋白鍋

Collagen Hot Pot

コラーゲンタンパク鍋

콜라겐 샤브샤브

น้ำซุปลคอลลาเจน

Lẩu collagen

(內含中藥及海鮮，過敏體質及孕婦請斟酌食用)

Contains Chinese herbs and seafood, please consume with care for those with allergic constitution and pregnancy.

漢方、海鮮を含む、アレルギーをお持ちの方、妊婦の方は、お召し上がりの際にご注意ください

한약재 및 해산물 포함,알레르기성 체질 및 임신부는 섭취에 주의하십시오

มีส่วนผสมของยาจีนและอาหารทะเล ผู้ที่เป็นโรคภูมิแพ้ และสตรีมีครรภ์ ควรพิจารณาให้ ถัด วนก่อนทาน

có chứa thuốc Bắc và hải sản, tặng người dị ứng và phụ nữ có thai nên cân nhắc khi dùng



成份：西芹、老薑、玉米、番茄、枸杞、紅棗
鹽、糖、醬油、魚膠、洋菜粉(龍鬚菜、石花菜、海藻抽取物)
香菇風味粉(鹽、麥芽糊精、香菇抽出物、葡萄糖、酵母抽出物、乳清蛋白、調味劑(L-麩酸鈉、DL-胺基丙酸、5'-次黃嘌呤核苷磷酸二鈉、5'-鳥嘌呤核苷磷酸二鈉、胺基乙酸、琥珀酸二鈉)
© 內含中藥及海鮮過敏原，過敏體質及孕婦請斟酌食用

蔬菜精力鍋

Vegetable Energy Soup

ベジタブル精力鍋

야채 웰빙샤브샤브

น้ำซุปลผักรวมมิตร

Lẩu năng lượng rau củ

(蛋奶素可，內含中藥，過敏體質及孕婦請斟酌食用)

Ovo-Lacto Vegetarian, contains Chinese herbs, please consume with care for those with allergic constitution and pregnancy

漢方入りベジタリアンメニュー、アレルギーをお持ちの方、妊婦の方は、お召し上がりの際にご注意ください

난유 채식 가능, 한약재 포함,알레르기성 체질 및 임신부는 섭취에 주의하십시오

สำหรับผู้ที่รับประทานอาหารที่ไม่มีไข่และนมใด อาจมีส่วนผสมของยาจีน กรุณาพิจารณาก่อนการใช สำหรับผู้ที่มีโรคภูมิแพ้ และผู้ หญิงที่ตั้ง ังครรภ์

có thể dùng cho người ăn chay,có chứa trứng, sữa, có chứa thuốc Bắc, tặng người dị ứng và phụ nữ có thai nên cân nhắc khi dùng



成份：西芹、老薑、玉米、番茄、枸杞、紅棗、鹽、糖、醬油
香菇風味粉(鹽、麥芽糊精、香菇抽出物、葡萄糖、酵母抽出物、乳清蛋白、調味劑(L-麩酸鈉、DL-胺基丙酸、5'-次黃嘌呤核苷磷酸二鈉、5'-鳥嘌呤核苷磷酸二鈉、胺基乙酸、琥珀酸二鈉)
© 內含中藥過敏原，過敏體質及孕婦請斟酌食用

港式花雕雞

Shaoxing Wine Chicken Hot Pot

鶏肉の紹興酒煮込み

소흥 닭고기 조림

น้ำซุปลไกฮั่วเตียวจิว

Lẩu gà Hua Diao kiểu Hong Kong

(內含中藥及酒類，過敏體質及孕婦請斟酌食用)

Contains Chinese herbs and alcohol, please consume with care for those with allergic constitution and pregnancy.

漢方、アルコールを含む、アレルギーをお持ちの方、妊婦の方は、お召し上がりの際にご注意ください

한약재 및 주류 포함,알레르기성 체질 및 임신부는 섭취에 주의하십시오

มีส่วนผสมของยาจีนและเครื่องดื่มแอลกอฮอล์ ผู้ที่เป็นโรคภูมิแพ้ และสตรีมีครรภ์ ควรพิจารณาให้ ถัด วนก่อนทาน

có chứa thuốc Bắc và rượu, tặng người dị ứng và phụ nữ có thai nên cân nhắc khi dùng

成份：西芹、老薑、玉米、番茄、枸杞、紅棗、黃耆
蔥白、蔥綠、紹興酒、花雕酒、鹽、糖、醬油
香菇風味粉(鹽、麥芽糊精、香菇抽出物、葡萄糖、酵母抽出物、乳清蛋白、調味劑(L-麩酸鈉、DL-胺基丙酸、5'-次黃嘌呤核苷磷酸二鈉、5'-鳥嘌呤核苷磷酸二鈉、胺基乙酸、琥珀酸二鈉)
© 內含中藥及酒類過敏原，過敏體質及孕婦請斟酌食用



東北酸菜鍋

Pickled Chinese Cabbage Hot Pot

白菜の酢漬け鍋

등북지역 절인

น้ำซุปลผักดอง

Lẩu dưa chua Đông Bắc

(蛋奶素可)

Ovo-Lacto Vegetarian

卵乳素可

난유 채식 가능

เหมาะสำหรับมังสวิรัติ

có thể dùng cho người ăn chay có chứa trứng, sữa



成份：西芹、老薑、玉米、番茄、鹽、糖、醬油
酸白菜、香菇風味粉(鹽、麥芽糊精、香菇抽出物、葡萄糖、酵母抽出物、乳清蛋白、調味劑(L-麩酸鈉、DL-胺基丙酸、5'-次黃嘌呤核苷磷酸二鈉、5'-鳥嘌呤核苷磷酸二鈉、胺基乙酸、琥珀酸二鈉)

卜卜蜆雞腿鍋

Garlic Clam Chicken Hot Pot

ガーリッククラムチキン鍋

갈릭 조개 치킨 전골

น้ำซุปลหอยเสียบกับน่องไก่

Lẩu nghêu dùi gà

(內含蒜頭、海鮮及酒類，過敏體質及孕婦請斟酌食用)

Contains garlic, seafood, and alcohol, please consume with care for those with allergic constitution and pregnancy

ニンニク、海鮮、アルコールを含む、アレルギーをお持ちの方、妊婦の方は、お召し上がりの際にご注意ください

마늘, 해산물 및 주류 포함,알레르기성 체질 및 임신부는 섭취에 주의하십시오

มีส่วนผสมของกระเทียม อาหารทะเล และเครื่องดื่มแอลกอฮอล์ ผู้ที่เป็นโรคภูมิแพ้ และสตรีมีครรภ์ ควรพิจารณาให้ ถัด วนก่อนทาน

có chứa tỏi, hải sản và rượu, tặng người dị ứng và phụ nữ có thai nên cân nhắc khi dùng

成份：蛤蜊、雞腿肉、蒜頭、蔥白、蔥綠、西芹、老薑、玉米、番茄、枸杞、紅棗、鹽、糖、醬油、香菇風味粉(鹽、麥芽糊精、香菇抽出物、葡萄糖、酵母抽出物、乳清蛋白、調味劑(L-麩酸鈉、DL-胺基丙酸、5'-次黃嘌呤核苷磷酸二鈉、5'-鳥嘌呤核苷磷酸二鈉、胺基乙酸、琥珀酸二鈉)
© 內含中藥、海鮮及酒類過敏原，過敏體質及孕婦請斟酌食用



關東風壽喜燒

Sukiyaki Soup

すき焼きスープ

수키야키 수프

ซูกิยากิซุปล

Canh Sukiyaki



成份：以奶油爆香洋葱、老薑搭配特調壽喜燒醬汁，完美重現關東風味壽喜燒

極上三和牛

Premium Sannomiya Beef.極上三和牛
최상급 산노미야 소고기.เนื้อวัวญี่ปุ่นชั้นยอด
Bò Sannomiya cao cấp ăn thoải mái

午餐898
晚餐998

特上和牛放題

Prime Wagyu.最高級和牛セット
최상급 와규 특선.บุฟเฟ่ต์เนื้อวากิว
Bò Wagyu thượng hạng ăn thoải mái

午餐798
晚餐898

安格斯黑牛放題

Angus Beef.アンガス黒毛牛セット
블랙 앵커스 특선.บุฟเฟ่ต์แบบล็คแองกัส
Bò đen Angus ăn thoải mái

午餐698
晚餐798



美國SRF極黑和牛霜降/4片 (最佳食用熟度3分)

US SRF Marbled Wagyu Beef/4 slices
アメリカ産SRF和牛霜降/4枚
미국산 SRF 흑우 와규/4 조각
เนื้อแบบล็ควากิว SRF เกรตพรีเมี่ยมจากอเมริกา/ 4 ชิ้น
Thịt vân mỡ bò Wagyu cực kỳ đen SRF Hoa Kỳ/4lát



美國SRF極黑和牛雪花/4片 (最佳食用熟度3分)

US SRF Wagyu Beef Snowflake/4 slices
アメリカ産SRF極黑和牛雪花/4枚
미국산 SRF 흑우 와규/4 조각
เนื้อแบบล็ควากิว SRF เกรตพรีเมี่ยมจากอเมริกา / 4 ชิ้น
Thịt mỡ giắt Wagyu cực đen SRF Hoa Kỳ/4lát



紐澳特級牛舌/4片 (須熟食)

N.Z. and Australia Ox Tongue/4 slices
ニュージーランドとオーストラリア産牛タン/4枚
뉴질랜드와 호주 우설/4개
สันวัวเกรตพรีเมี่ยมจากออสเตรเลีย / 4 ชิ้น
Lưỡi bò cao cấp Úc / 4 lát



巨大海虎蝦XL/2隻

Giant Grass Shrimp XL /2 ships
大海老 XL /2尾
폴 새우 XL /2 마리
กุ้งหญ้า XL / 2 ชิ้น
Tôm sú hoang dã XL / 2 con



阿根廷天使紅蝦XL/2隻

Argentina PrawnXL/2 ships
アルゼンチン赤海老XL/2尾
아르헨티나 빨간새우XL/2 마리
กุ้งแองเจิลจากอาร์เจนตินาXL / 2 ชิ้น
Tôm đỏ thiên thần ArgentinaXL / 2 con



澳洲黑毛和牛M6~M9+/4片 (最佳食用熟度3分)

AU. M6~M9+ Wagyu/4 slices
オーストラリア産和牛M6~M9+/4枚
AU. M6~M9+ 와규/4개
เนื้อแบบล็ควากิวจากออสเตรเลีย M6 ~ M9+ / 4 ชิ้น
Bò Wagyu đen Úc M6~M9+ / 4 lát



美國Choice無骨牛小排肩/4片 (最佳食用熟度7分)

US Boneless Chuck Short Ribs/4 slices
チャック・ショート・リブ、骨なし/4枚
목심 쇼트 리브, 뼈제거/4사 조각
เนื้อแบบล็ควากิวจากออสเตรเลีย M6 ~ M9+ / 4 ชิ้น
Sườn non bò rút xương Choice Hoa Kỳ (vai) / 4 lát



A級松阪豬(丹麥·荷蘭·西班牙)/4片 (須熟食)

A Grade Matsusaka Pork/4 slices
Aグレード霜降り豚肉/4枚
A급 항정살/사 조각
สันคอหมูเกรด A / 4 ชิ้น
Thịt heo Matsusaka hạng A / 4 lát



阿拉伯藍鑽蝦L/2隻

Arabian Blue Diamond ShrimpL/2 ships
アラビابلูダイヤモンドシュリンプL/2尾
아라비안 블루 다이아몬드 새우L/2 마리
กุ้งเพชรสีน้ำเงินอาหรับL/ 2 ชิ้น
Tôm kim cương xanh Ả Rập L/ 2 con



鮮甜大草蝦L/2隻

Giant Grass Shrimp L /2 ships
大海老 L /2尾
폴 새우 L /2 마리
กุ้งหญ้า L / 2 ชิ้น
Tôm sú hoang dã L/ 2 con



美國CAB安格斯黑牛/4片 (最佳食用熟度5分)

US Angus Beef/4 slices • アンガスピーフ/4枚 • 앵거스 비프/사 조각
แบบล็คแองกัส CAB จากอเมริกา / 4 ชิ้น • Bò đen Angus CAB Hoa Kỳ / 4 lát



美國Prime頂級牛梅花/4片 (最佳食用熟度5分)

US Chuck Roll/4 slices • 上肩ロール/4枚 • 마국산 소양지/사 조각
สันคอวัวเกรด Prime จากอเมริกา / 4 ชิ้น • Nạc vai bò cao cấp Prime Hoa Kỳ / 4 lát



美國特級牛五花/8片 (最佳食用熟度7分)

Flank Beef/8 slices • 特上カルビ/8枚 • 미국산 소목심/8 조각
เนื้อวัวสามชั้น จากอเมริกา / 8 ชิ้น • Thịt ba chỉ bò cao cấp Hoa Kỳ / 8 lát



紐西蘭特級紐約客/6片 (最佳食用熟度7分)

New Zealand Sirloin/6 slices • ニュージーランドサーロイン/6枚 • 뉴질랜드산 채끝/6 조각
เนื้อวัวเกรตพรีเมี่ยมจากนิวซีแลนด์ / 6 ชิ้น • Thịt ngoại thượng hạng New Zealand/ 6 lát



精選豬嫩腿/6片 (須熟食)

Pork Slices/6 slices • ポークスライス/6枚 • 돼지 앞다리살/6 조각
ขาหมู / 6 ชิ้น • Giò heo non / 6 lát



精選豬五花/8片 (須熟食)

Pork Belly slices •豚ばら肉/8枚 • 삼겹살/8 조각
หมูสามชั้น / 8 ชิ้น • Thịt ba chỉ heo / 8 lát



紐澳頂級小肥羊/6片 (重組須熟食)

NZ and AU Lamb Shoulder/6 slices • ニュージーランドとオーストラリア産ラム肩/6枚 • 뉴질랜드와 호주 양 어귀/6 조각
สันคอแกะจากนิวซีแลนด์และออสเตรเลีย/6ชิ้น • Thịt cừu non đẳng cấp New Zealand và Úc /6 lát



港式花雕雞/150g (含酒成份)

Stir-fried Chicken with Chinese Sauce/150g • 鶏肉の紹興酒煮込み/150g • 소용 닭고기 조림/150g
ไก่ตุ๋นข้าวเตียวจิ่ว /150g • Gà Hua Diao kiểu Hồng Kông/150g



精選雞腿肉/150g (含酒成份)

Boneless Chicken Leg/150g • 骨なし鶏もも肉/150g • 소닭다리살/150g
น่องไก่สด / 150g • Đùi gà / 150g

滷三寶-麻辣鍋的好朋友

Braised Snacks
煮込みスナック
찜 스낵
ต้มเคี้ยว
Bản Thân Của Lẩu Cay



綜合三寶/各半份
Mixed Taiwanese Stews/Each half
台湾のミックスシチュー/様々な半分
대만 혼합 스튜/반반
ต้มเคี้ยว/อย่างละครึ่ง
Món lủc của Đài Loan/ mỗi loại một nửa



滷肥腸/6個
Stewed Pork Intestine/6unit
腸煮込み/6つ
곱창간장조림/6개
ไส้ตันตุ๋น/6ชิ้น
Ruột om/6chiếc



滷牛筋/4個
Marinated Beef Tendon/4unit
牛筋煮込み/4つ
소힘줄조림/4개
เอ็นเนื้อตุ๋น/4ชิ้น
Gân bò om/4chiếc



滷牛肚/6個
Stewed Beef Belly/6 unit
牛モツ煮込み/6つ
부속간장조림/6개
เครื่องในตุ๋น/6ชิ้น
Lòng bò om/6chiếc



招牌多肉排骨酥/2個
Crispy Sparerib/2unit
スペアリブ唐揚げ/2 つ
갈비튀김/2개
ซี่โครงทอดกรอบ/2ชิ้น
Sườn non chiên giòn/2chiếc



美國火雞腓/2個
Chicken Testicles/2unit
鶏の金玉/2つ
미국산 칠면조 알집/2개
ลูกอินทรีไก่จวงจากอเมริกา/2ชิ้น
Mề gà tây Hoa Kỳ/2chiếc

漁港直送海鮮

Seafood
シーフード
해물
อาหารทะเลส่งตรงจากท่าเรือ
hải sản



甜甜海蝦M/2隻
White shrimpM/2ships
白エビM/2尾
자연산대하M/2마리
กุ้งขาวจีนM/2ตัว
Tôm biển hoang dãM/2con



鮮鮮草蝦M/2隻
Grass Shrimp M/2ships
海老M/2尾
새우M/2마리
กุ้งหญ้าM/2ตัว
sú hoang dãM/2con



鮮嫩巴沙魚/2片
Basa Fish/2 slices
バシャ魚/2枚
베트남메기/2조각
ปลาสดสด/2ตัว
Cá ba sa/2lát



極鮮鯛魚/2片
Tilapia Sea Bream/2 slices/2 slices
タイの切り身/2枚
도미살/2 조각
ปลากะพงแดงสดจากท่าเรือตงกั้ง/2 ชิ้น
Cá hồng / 2 lát



金目鱸魚/2片
Sea Bass/2 slices
スズキ/2枚
농어살/2조각
ปลากะพง/2ชิ้น
Cá vược/2lát



帆立貝/2個
Scallop/2 unit
帆立貝/二つ
가리비/두 마리
หอยเชลล์ยักษ์ / 2 ตัว
Sò điệp / 3 con



組合大干貝/2個
Reconstituted Large Scallops/2unit
組合のホタテ/2つ
조개관자/2마리
หอยเชลล์ตัวใหญ่/2ตัว
Sò điệp lớn tổng hợp/2con



新鮮貽貝/2個
Mussels/2unit
ムール貝/2つ
홍합/2마리
หอยแมลงภู่/2ตัว
Vẹm xanh/2con



新鮮蛤蠣/6個
Clam/6unit
ハマグリ/6つ
조개/6마리
หอยดลัับจากตงโข/6ชิ้น
Nghêu/6con



鮮魷魚/4個
Squid Wing/4 unit
茹でイカ/六つ
오징어 채/4 마리
ปลาหมึกสด / 4 ตัว
Mực ống tươi /4 con



新鮮小卷2隻
Neritic Squid/2unit
イカ/2尾
한치/2마리
หมึกกล้วย/2ตัว
Mực con/2con



深海魷魚/2隻
Neritic Squid/2unit
イカ/2つ
한치/2마리
ปลาหมึกก้นแหลมสด/2ตัว
Mực ống/2con

手打鮮滑

Handmade Seafoodball
手作り海鮮丼
수제 씨푸드볼
ลูกชิ้นแฮนด์เมด
Don Hải Sản Tự Làm



手打鮮蝦滑/1支
Shrimp Paste/1 unit
海老つくね/1つ
생새우 완자/1줄
ลูกชิ้นกุ้งแฮนด์เมด/1แท่ง
Tôm tươi sốt thủ công/1con



手打花枝滑/1支
Squid Paste/1 unit
イカツくね/1つ
갑오징어 완자/1줄
ลูกชิ้นปลาหมึกแฮนด์เมด/1แท่ง
Mực nang sốt thủ công/1con



翡翠虱目魚滑/1支
Fish paste/1 unit
魚のすり身/1つ
어묵/1줄
ปลาเนื้ออ่อน/1แท่ง
Cá bầm/1con

示意圖片及文字僅供參考，原塊肉品切片後油花、紋路皆不相同，食材的產地、種類、等級、價格等，以門市當日進貨或實際供應為準，食材有異動時，將以等值商品替代，恕不另行通知。
Pictures and text are for reference only. The marbling and texture of meat slices may vary. The origin, type, grade, and price of ingredients are based on the store's daily stock or actual supply. In case of any changes in ingredients, they will be substituted with equivalent products without prior notice.

當季鮮菇

Mushrooms
きのこ
버섯
เห็ด
Nấm tươi mùa



綜合鮮菇/各半份

Assorted Mushroom Platter/Each half

混合キノコプラッター/様々な半分

다양한 버섯 플레이트/반반

จานเห็ดผสม/อย่างละครึ่ง

Nấm tươi tổng hợp/mỗi loại một nửa



美白菇/40g

White Marmoreus/40g

白ブナシメジ/40g

화이트 버섯/40g

เห็ดเข้มเงิน / 40g

Nấm trắng / 40g



袖珍菇/40g

Oyster Marmoreus/40g

ヒラタケ/40g

느타리 버섯/40g

เห็ดนางรม/40g

Nấm sò/40g



金針菇/40g

Enoki Mushrooms/40g

エノキダケ/40g

팽이버섯/40g

เห็ดเข็มทอง/40g

Nấm kim châm/40g



鴻喜菇/40g

Hypsizigus Marmoreus/40g

ブナシメジ/40g

느티만가닥버섯/40g

เห็ดขี้เมจ/40g

Nấm ngọc châm/40g



杏鮑菇/40g

King Oyster Mushroom/40g

エリンギ/40g

새송이버섯/40g

เห็ดนางรมหลวง/40g

Nấm đùi gà/40g



鮮香菇/40g

Shiitake Mushroom/40g

椎茸/40g

표고버섯/40g

เห็ดหอม/40g

Nấm hương/40g

季節時蔬

Vegetables
野菜
채소
ผัก
Rau củ



高麗菜/100g

Cabbage/100g

キャベツ/100g

양배추/100g

กะหล่ำปลี/100g

Bắp cải/100g



青江菜/40g

Bok Choy/40g

チンゲンサイ/40g

청경채/40g

ผักกาดขาวปลีเมล็ด /40g

Rau cải xanh / 40g



娃娃菜/2個

Baby Cabbage/2unit

ベビーキャベツ/2つ

알배추/2개

เบบี้ผักกาดขาว/2หัว

Bắp cải non/2chiếc



福山萵苣/40g

Lettuce/40g

レタス/40g

상추/40g

ผักกาดหอมฟุกุยามะ/40g

Xà lách Fukuyama/40g



水蓮/40g

Water Snowflake/40g

山菜/40g

조름나물/40g

ผักสายพลวง/40g

Sen nước/40g



絲瓜/2個

Loofah/2unit

糸瓜/2つ

수세미오이/2개

รังฆวน/2ลูก

Mướp hương/2chiếc



牛番茄/2個

Tomato/2unit

トマト/2つ

토마토/2개

มะเขือเทศปีผลเล็ก/2ลูก

Cà chua to/2quả



玉米筍/2個

Baby Corn/2unit

スコーン/2つ

꼬마 옥수수/2개

ข้าวโพดอ่อน/2ฝัก

Ngô bao tử/2cái



日式南瓜/2個

Pumpkin/2unit

かぼちゃ/2つ

호박/2개

ฟักทองญี่ปุ่น/2ลูก

Bí đỏ kiểu Nhật/2cái



大甲芋頭/2個

Taro/2unitV

紫芋/2つ

토란/2개

เผือกผิงตง/2ลูก

Khoai môn Đại Giáp



玉米/2個

Corn/2unit

コーン/2つ

옥수수/2개

ข้าวโพด/2ฝัก

Ngô ngọt/2bắp



空心菜/40g

Chinese water spinach /40g

くうしんさい /40g

미나리/40g

ผักบุ้ง/40g

Rau muống/40g



蓮藕/40g

lotus root /40g

れんこん/40g

연근/40g

รากบัว/40g

Củ sen/40g

經典鍋物

Ingredients of Hot Pot
鍋物
냄비의 재료
ส่วนผสมหม้อไฟ
Lẩu



經典老油條/2個

Fried Dough Stick/2unit

油揚げスティック/2つ

유타오/2개

ปาท่องโก๋/2ชิ้น

Quẩy rán/2cái



新鮮嫩豆包/2個

Fresh Bean Curd Parcels/2 unit

生湯葉/2つ

유부/2마리

ฟองเต้าหู้/2ชิ้น

Bánh đậu tươi/2chiếc



手工炸豆捲/2個

Deep fried Bean Curd Rolls/2 unit

揚げ湯葉/2つ

유부 말이 튀김/2마리

ข่อยจ้อยแผ่นทอด/2ชิ้น

Cuốn đậu chiên/2chiếc



招牌凍豆腐/2個

Frozen Tofu/2unit

凍とうふ/2つ

얼린 두부/2개

เต้าหู้แช่แข็ง/2ชิ้น

Đậu phụ đông lạnh/2chiếc



手作米血糕/2個

Pork Blood Glutinous Rice Cake/2unit

もち米と血の煮こごり/2つ

선지 찰쌀떡/2개

เค้กเลือดหมู (จุลैयाเกา)/2ชิ้น

Bánh huyết/2cái



基隆甜不辣/2個

Tempura/2unit

てんぷら/2つ

어묵/2개

หมูปูระจิหลวง/2ชิ้น

Chả cá/2cái

示意圖片及文字僅供參考，原塊肉品切片後油花、紋路皆不相同，食材的產地、種類、等級、價格等，以門市當日進貨或實際供應為準，食材有異動時，將以等值商品替代，恕不另行通知。

Pictures and text are for reference only. The marbling and texture of meat slices may vary. The origin, type, grade,

and price of ingredients are based on the store's daily stock or actual supply. In case of any changes in ingredients, they will be substituted with equivalent products without prior notice.

1140801

涮嘴丸餃包

Dumplings & Meatballs Combo
餃子とミートボールのコンボ
만두 & 미트볼 콤보
คอมโบเกี้ยวและลูกชิ้น
Bánh Bao



綜合丸/各2個

Mixed Meatballs/2 unit
ミックスリ団子/2つ
혼합고기공/2마리
ลูกชิ้นรวมมิตร/2ชิ้น
Thịt viên tổng hợp/2cái



黃金魚丸/2個

Golden Fried Fish Ball/2 unit
練り物の團子/二 つ
피쉬볼 튀김/두 마리
ลูกชิ้นปลาสีทอง / 2 ชิ้น
Cá viên vàng / 2 cái



香菇貢丸/2個

Handmade Fried Meat Ball/2 unit
手作りミートボール/2つ
사천식 완자/두 마리
ลูกชิ้นเห็ดหอม / 2 ชิ้น
Thịt viên nấm / 2 viên



經典牛肉丸/2個

Beef Ball/2unit
ぎゅうにくボール/2つ
소고기 완자/2마리
ลูกชิ้นเนื้อคาลาลิก/2ชิ้น
Bò viên/2cái



九層塔花枝丸/2個

Squid Ball/2 unit
イカボール/二 つ
오징어볼/두 마리
ลูกชิ้นใบโหระพา / 2 ชิ้น
Viên mực húng quế / 2 viên



爆漿起士包/2個

Cheese Ball/2 unit
チーズボール/二 つ
치즈 풍당완자/두 마리
ชีสไส้ระเบิด / 2 ชิ้น
Bánh bao phô mai nhiều nhân / 2 cái



綜合包/各2個

Mixed with/2 unit
盛り合わせ/2 つ
복잡한/2마리
แพ็กเกอร์รวมมิตร/2ชิ้น
Combo há cảo/2cái



手工水晶餃/2個

Fish Dumplings/2 unit
魚餃子/2 つ
수제 생선 만두/2 마리
เกี๊ยวคริสตัลแอนด์เมค / 2 ชิ้น
Há cảo pha lê / 2 cái



基隆三記魚餃/2個

Fish Dumplings/2unit
手作り魚餃子/2つ
수제 생선 만두/2개
เกี๊ยวปลาชั้นจี้จากจังหวัด/2ชิ้น
Chả cá Tam Ký Cơ Long/2chiếc



手工蛋餃/2個

Egg Dumplings/2unit
卵餃子/2つ
달걀 만두/2개
เกี๊ยวไข่แอนด์เมค/2ชิ้น
Há cảo trứng thủ công/2cái



日式蟹腿/2個

Crab Sticks/2unit
和風蟹棒/2つ
일식 게맛살/2마리
ซาปูปรุงรสแบบญี่ปุ่น/2ชิ้น
Chân cua kiểu Nhật/2chiếc



日式龍蝦包/2個

Lobster Salad Ball/2unit
ロブスターサラダ入りの団子/2つ
샐러드 랍스타볼/2 마리
กุ้งมังกรปรุงรสแบบญี่ปุ่น/2ชิ้น
Há cảo tôm hùm kiểu Nhật/2chiếc



綜合餃/各2個

Mixed Dumplings/Each half
餃子の盛り合わせ/2つ
다종류 만두/2마리
เกี๊ยวซ่ารวมมิตร/2ชิ้น
Há cảo tổng hợp/2cái



日式魚包蛋/2個

Japanese Egg Wraps With Fish/2unit
和風魚の卵入りツクネ/2つ
일본식생선알 어묵/2마리
ไข่ห่อปลาแบบญี่ปุ่น/2ชิ้น
Trứng nhồi cá kiểu Nhật/2cái



手工燕餃/2個

Pork Dumplings/2uni
豚肉餃子/2つ
수제 고기 만두/2마리
เกี๊ยวหมูแอนด์เมค/2ชิ้น
Há cảo yến/2cái

想要加鍋底

Bottom of Hot Pot
鍋底
냄비 바닥
ก้นหม้อร้อน
Nước dùng



麻辣嫩鴨血(水血)/3個

Spicy Tender Duck Blood/3 unit
スパイシーなアヒルの血/3つ
매운 오리 피/3마리
เลือดเป็ดก้อนหม่ำ/3ก้อน
Tiết canh vịt cay tê/3cái



麻辣大豆腐/4個

Spicy Big Tofu/4unit
スパイシービッグ豆腐/4つ
매운 큰 두부/4개
เต้าหู้หม่ำ/4ชิ้น
Đậu phụ cay/4cái



東北酸菜/150g

Pickled Chinese Cabbage/150g
白菜のピクルス/150g
절인 배추/150g
ผักกาดดองดงเบ้ย/150g
Dưa chua Đông Bắc/150g



膠原蛋白/3顆

Collagen/3unit
コラーゲン/3粒
콜라겐/3개
คอลลาเจน/3ชิ้น
Collagen/3viên

好吃的飯

Delicious rice
美味しいご飯
맛있는 밥
ข้าวอร่อย
Cơm ngon



白飯/1碗

Rice/1 bowl
ご飯/1ボウル
흰쌀밥/1그릇
ข้าวเปล่า / 1 ถ้วย
cơm trắng



安格斯牛黑咖哩飯/1份

Angus beef curry
アンガスビーフカレー
앵거스 쇠고기 카레
แกงกะหรี่เนื้อวัวแองกัส
Cà ri bò Angus đen

示意圖片及文字僅供參考，原塊肉品切片後油花、紋路皆不相同，食材的產地、種類、等級、價格等，以門市當日進貨或實際供應為準，食材有異動時，將以等值商品替代，恕不另行通知。
Pictures and text are for reference only. The marbling and texture of meat slices may vary. The origin, type, grade, and price of ingredients are based on the store's daily stock or actual supply. In case of any changes in ingredients, they will be substituted with equivalent products without prior notice.